

Phụ lục II
KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN KRÔNG BÔNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính														
				Thị trấn Krông Kmar	Xã Cư Drăm	Xã Cư KTy	Xã Cư Pui	Xã Dang Kang	Xã Ea Trul	Xã Hòa Lễ	Xã Hòa Phong	Xã Hòa Sơn	Xã Hòa Tân	Xã Hòa Thành	Xã Khuê Ngọc Điền	Xã Yang Mao	Xã Yang Reh	
	Tổng		337,13	16,21	59,51	6,15	149,38	6,24	1,50	1,45	2,41	17,34	0,08	0,15	2,91	73,65	0,15	
1	Đất nông nghiệp	NNP	263,75	14,63	21,66	6,05	126,10	6,21	1,50	1,39	2,28	12,17			2,79	68,82	0,15	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	16,29	4,38	9,38	0,21	0,77	0,36	0,25	0,12	0,15	0,48				0,19		
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	11,68	4,38	5,29	0,21	0,65	0,36		0,12		0,48				0,19		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	39,22	9,04	2,32	3,00	11,90	3,10	1,00	0,35	1,00				2,27	5,09	0,15	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	37,79	1,03	2,92	2,80	11,59	2,70	0,25	0,67	1,05	11,69			0,52	2,57		
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	0,31													0,31		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	59,40													59,40		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	110,19		7,04		101,74			0,15						1,26		
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	101,58		6,54		95,04											
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,55	0,18		0,04	0,10	0,05		0,10	0,08							
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	39,36	1,58	17,64	0,10	15,41	0,03		0,06	0,13		0,08	0,15	0,12	4,06		
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	30,96		14,20		13,52						0,08			3,16		
-	Đất giao thông	DGT	30,32		14,00		13,32									3,00		
-	Đất thủy lợi	DTL	0,56		0,20		0,20									0,16		
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,08										0,08					
2.2	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,29			0,08	0,06							0,15				
2.3	Đất ở tại nông thôn	ONT	2,10		0,81	0,02	0,50	0,03		0,06	0,13				0,05	0,50		
2.4	Đất ở tại đô thị	ODT	0,65	0,65														
2.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,30				0,23								0,07			
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	4,13		2,63		1,10									0,40		
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,93	0,93														
3	Đất chưa sử dụng	DCS	34,02		20,21		7,87					5,17				0,77		